

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 01162/TM-XNK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 1994

QUYẾT ĐỊNH

Về hàng hoá của Vương quốc Campuchia quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về quá cảnh hàng hoá ký ngày 3 tháng 4 năm 1994;

Căn cứ khoản 3, Điều 26, Chương V, Nghị định 33/CP ngày 19 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về quản lý Nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu;

Sau khi thống nhất ý kiến với Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về hàng hoá của Vương quốc Campuchia quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Các Vụ chức năng của Bộ Thương mại chịu trách nhiệm phổ biến và hướng dẫn các doanh nghiệp thi hành Quy chế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

QUY CHẾ

VỀ HÀNG HOÁ CỦA VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01162/TM-XNK ngày 20 tháng 9 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Thương mại)

PHẦN THỨ NHẤT

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hàng hoá của Vương quốc Campuchia được quá cảnh Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do chủ hàng phía Campuchia (dưới đây viết tắt là doanh nghiệp Campuchia) tự vận chuyển hoặc thuê doanh nghiệp Việt Nam vận chuyển (dưới đây viết tắt là doanh nghiệp vận chuyển) để xuất khẩu sang nước thứ ba hoặc nhập khẩu từ nước thứ ba hoặc để đưa từ địa phương này sang địa phương khác của Campuchia.

2. Việc quá cảnh hàng hoá phải:

2.1. Được Bộ Thương mại Việt Nam cấp "Giấy phép vận chuyển hàng hoá quá cảnh" theo đơn xin quá cảnh hàng hoá của doanh nghiệp Campuchia.

Bộ Thương mại Việt Nam uỷ quyền cho Phòng Giấy phép xuất, nhập khẩu của Bộ Thương mại tại thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây viết tắt là Phòng Giấy phép) cấp "giấy phép vận chuyển hàng hoá quá cảnh" (theo mẫu số 07) trong vòng 7 ngày, kể từ khi nhận được đơn xin quá cảnh hàng hoá của doanh nghiệp Campuchia.

Những hàng hoá mà Việt Nam cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu không được quá cảnh, trừ những trường hợp đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam có văn bản cho phép.

2.2. Tuân thủ các quy định sau:

Phải được vận chuyển theo đúng thời gian, cửa khẩu, tuyến đường ghi trong "giấy phép vận chuyển hàng hoá quá cảnh" và chịu sự giám sát của Hải quan Việt Nam.

Trường hợp hàng hoá quá cảnh cần lưu kho, lưu bãi phải được Hải quan Việt Nam cho phép và phải chịu sự giám sát của Hải quan Việt Nam.

Số lượng hàng xuất ra đúng bằng số lượng hàng nhập vào nguyên đai, nguyên kiện.

Thời gian hàng hoá quá cảnh lưu chuyển trên lãnh thổ Việt Nam tối đa là 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập, trừ trường hợp có lưu kho, lưu bãi và/hoặc có sự cố.

3. Cấm tiêu thụ hàng hoá quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Việc quá cảnh phương tiện vận chuyển và người áp tải cũng như việc sang mạn, chuyển phương tiện phải tuân thủ các quy định hiện hành của Việt Nam. Đối với những lĩnh vực đã có thoả thuận chung của hai Chính phủ thì phải tuân thủ các quy định trong thoả thuận chung đó.

5- Hàng hoá của Campuchia quá cảnh Việt Nam theo tuyến đường thuỷ, đường bộ được phép đi qua các cặp cửa khẩu mà Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Campuchia thống nhất mở và đã thực sự mở, trước mắt là:

Mộc Bài - Bavet

Vĩnh Xương - Kaorm-samnar.

6- Việc vận chuyển hàng hoá quá cảnh và các thủ tục liên quan được giải quyết theo những quy định hiện hành của Việt Nam.

7- Các lệ phí và chi phí phát sinh từ hoạt động quá cảnh theo Quy chế này được thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

8- Những tranh chấp giữa các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các hợp đồng sẽ do các doanh nghiệp giải quyết thông qua thương lượng, nếu không đạt được thoả thuận, sẽ do Trung tâm Trọng tài Quốc tế bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam giải quyết.

9- Bộ Thương mại quyết định số lượng doanh nghiệp Việt Nam được vận chuyển hàng quá cảnh cho phù hợp với nhu cầu quá cảnh hàng hoá của các doanh nghiệp Campuchia.

PHẦN THỨ HAI

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I- CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CAMPUCHIA:

Doanh nghiệp Campuchia có nhu cầu quá cảnh hàng hoá phải:

1- Có đơn xin quá cảnh hàng hoá gửi tới Bộ Thương mại Việt Nam (Phòng Giấy phép). Đơn này phải được Bộ Thương mại Campuchia (hoặc cơ quan được Bộ thương mại Campuchia uỷ quyền) xác nhận về đề nghị Bộ Thương mại Việt Nam cho phép quá cảnh hàng hoá (theo mẫu số 01).

2- Doanh nghiệp Campuchia chỉ được đưa hàng đến cửa khẩu Việt Nam và làm thủ tục hải quan để quá cảnh hàng hoá sau khi nhận được "giấy phép vận chuyển hàng hoá quá cảnh".

3- Trường hợp doanh nghiệp Campuchia xuất khẩu hàng sang nước thứ ba hoặc nhập khẩu hàng từ nước thứ ba với điều kiện quá cảnh Việt Nam theo đường bộ, qua cửa khẩu trên biên

giới đất liền giữa Việt Nam với nước thứ ba thì doanh nghiệp Campuchia phải thuê doanh nghiệp Việt Nam vận chuyển.

4- Khi thuê doanh nghiệp Việt Nam vận chuyển hàng hoá quá cảnh, doanh nghiệp Campuchia phải ký hợp đồng vận chuyển hàng hoá quá cảnh (theo mẫu số 03) với doanh nghiệp đã được Bộ Thương mại Việt Nam cho phép vận chuyển hàng hoá quá cảnh.

5- Giao, nhận hàng quá cảnh tại các cửa khẩu quốc tế của Việt Nam và/hoặc tại cửa khẩu ghi ở điểm 5/Phần thứ nhất.

II- CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM:

Đối tượng được xem xét cho phép vận chuyển hàng hoá quá cảnh cho các doanh nghiệp Campuchia là:

1. Doanh nghiệp Việt Nam đã được Bộ Thương mại cấp giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu trong 2 năm (1992, 1993) không mắc sai phạm gì trong kinh doanh xuất, nhập khẩu và đạt một trong 3 tiêu chuẩn dưới đây:

1.1. Có chức năng giao, nhận vận tải ngoại thương (ghi trong quyết định thành lập ký trước ngày 1-7-1993). Hoặc ,

1.2. Được UBND tỉnh có cửa khẩu nêu tại điểm 5/Phần thứ nhất, UBND thành phố Hồ Chí Minh, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chỉ định đứng ra vận chuyển hàng hoá quá cảnh (mỗi tỉnh, thành phố nêu trên chỉ định một doanh nghiệp). Hoặc ,

1.3. Đã từng vận chuyển hàng hoá quá cảnh cho các doanh nghiệp Campuchia, trong 2 năm gần nhất đạt trị giá (hàng quá cảnh) từ 5 triệu USD trở lên và/hoặc đã từng xuất khẩu hàng hoá sang Campuchia theo giấy phép do Phòng Giấy phép cấp, trong hai năm 1992, 1993 đạt từ 1 triệu USD trở lên.

2. Doanh nghiệp được thành lập để vận chuyển hàng hoá quá cảnh cho Campuchia theo quyết định của cơ quan có trách nhiệm.

Các doanh nghiệp nêu trong điểm 1/II, 2/II (phần thứ hai) phải gửi cho Bộ Thương mại hồ sơ xin vận chuyển hàng hoá quá cảnh gồm có:

1- Đơn xin vận chuyển hàng hoá quá cảnh cho doanh nghiệp Campuchia (theo mẫu số 04).

2. Giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu (bản photocopy có công chứng). Riêng đối tượng nêu tại điểm 2/II (phần thứ hai) cho phép không có loại giấy này.

3. Quyết định thành lập ký trước ngày 1-7-1993 (nếu thuộc đối tượng nêu tại điểm 1.1/II hoặc thuộc đối tượng nêu tại điểm 2/II trên).

4. Văn bản của UBND tỉnh, thành phố chỉ định doanh nghiệp trên địa bàn và đề nghị Bộ Thương mại chấp thuận cho doanh nghiệp được vận chuyển hàng hoá quá cảnh (nếu thuộc đối tượng nêu tại điểm 1.2/II trên).

5. Báo cáo quá trình vận chuyển hàng hoá quá cảnh cho các doanh nghiệp Campuchia, quá trình xuất khẩu hàng hoá sang Campuchia (theo mẫu số 05, nếu thuộc đối tượng nêu tại điểm 1.3/II trên).

Trong vòng 7 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thương mại sẽ có văn bản trả lời (theo mẫu số 06).

PHẦN THỨ BA

THỦ TỤC VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH

I- DOANH NGHIỆP VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH PHẢI CHO HẢI

QUAN CỬA KHẨU NHẬP HÀNG CÁC VĂN BẢN SAU:

1. Giấy phép vận chuyển hàng hoá quá cảnh (bản chính).
2. Vận tải đơn (bản copy)
3. Phiếu đóng gói hàng hoá (bản copy).
4. Nếu hàng quá cảnh là ô tô (tay lái thuận) tự hành, phải thêm giấy phép lưu hành tạm thời do công an tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương (nơi có cửa khẩu nhập hàng quá cảnh) cấp (bản photo copy có công chứng).
5. Nếu hàng quá cảnh thuộc loại Việt Nam cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, phải thêm văn bản cho phép của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam.
6. Nếu hàng hoá quá cảnh có lưu kho, lưu bãi, phải thêm văn bản do Cục trưởng Cục Giám sát và quản lý về hải quan (thuộc Tổng cục Hải quan) hoặc Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký xác nhận cho phép lưu kho, lưu bãi (bản chính).

Căn cứ vào các văn bản trên, cán bộ Hải quan làm các thủ tục để doanh nghiệp nhận hàng vận chuyển hàng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo các quy định của Tổng cục Hải quan.